

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

Hà Nội, tháng 07 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Điều hành đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Vũ Cẩm La Hương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		951.646.080.791	788.532.954.484
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	424.759.259.200	479.116.207.042
1. Tiền	111		424.759.259.200	401.116.207.042
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	78.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		445.966.411.757	290.813.224.579
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	57.358.036.947	88.443.045.177
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	316.116.128.624	132.856.313.854
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	8.100.000.000	3.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	64.392.246.186	66.413.865.548
III. Hàng tồn kho	140	9	15.757.934.049	4.401.482.924
1. Hàng tồn kho	141		15.757.934.049	4.401.482.924
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		65.162.475.785	14.202.039.939
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	65.075.699.194	13.483.008.628
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.276.591	718.031.311
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	500.000	1.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.746.198.837.614	1.470.794.773.518
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		84.597.779.789	42.307.430.329
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	7.055.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	77.542.779.789	42.307.430.329
II. Tài sản cố định	220		470.902.358.100	347.658.261.575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	262.009.601.683	151.001.879.261
- Nguyên giá	222		337.250.066.372	201.776.739.815
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.240.464.689)	(50.774.860.554)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	208.892.756.417	196.656.382.314
- Nguyên giá	228		233.133.983.338	215.500.502.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.241.226.921)	(18.844.120.191)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	310.386.041.347	158.004.201.096
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		310.386.041.347	158.004.201.096
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	295.974.983.718	297.764.426.336
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		280.390.983.718	282.180.426.336
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	599.100.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(125.100.000)	(125.100.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.110.000.000	15.110.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		584.337.674.660	625.060.454.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	129.240.923.493	141.243.694.793
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		363.287.671	363.287.671
3. Lợi thế thương mại	269	15	454.733.463.496	483.453.471.718
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.697.844.918.405	2.259.327.728.002

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.528.112.179.507	1.023.733.666.692
I. Nợ ngắn hạn	310		1.201.249.124.233	748.960.043.796
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	45.466.111.248	34.787.245.489
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	332.848.344.202	118.568.254.669
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	39.633.663.575	39.115.746.620
4. Phải trả người lao động	314		84.872.779.693	48.486.649.879
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	97.327.757.448	43.751.479.058
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	328.469.165.724	264.826.370.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	33.793.666.750	5.599.249.928
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	238.837.635.593	193.825.047.698
II. Nợ dài hạn	330		326.863.055.274	274.773.622.896
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	47.765.424.228	23.547.209.691
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	279.097.631.046	249.199.314.543
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	2.027.098.662
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.169.732.738.898	1.235.594.061.310
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	1.169.732.738.898	1.235.594.061.310
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		764.566.760.000	688.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		764.566.760.000	688.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.307.310.000	90.074.070.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		107.324.123.742	160.746.889.661
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		98.754.889.661	102.257.420.062
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.569.234.081	58.489.469.599
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		283.534.545.156	295.973.101.649
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.697.844.918.405	2.259.327.728.002



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2019

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2019	Quý 2 năm 2018	Lũy kế 6 tháng 2019	Lũy kế 6 tháng 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		342.066.351.925	230.132.323.508	628.093.031.621	437.327.762.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	16.100.000	-	16.100.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	342.066.351.925	230.116.223.508	628.093.031.621	437.311.662.100
4. Giá vốn hàng bán	11	25	188.456.243.943	143.942.475.642	359.644.028.007	263.379.583.563
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		153.610.107.982	86.173.747.866	268.449.003.614	173.932.078.537
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	26.517.484.559	6.651.332.115	26.953.856.386	10.044.068.336
7. Chi phí tài chính	22	27	10.107.199.689	7.059.513.838	17.912.675.559	12.065.556.950
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.547.644.939	6.965.165.838	17.353.120.809	11.975.463.950
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		-1.789.442.618	267.228.827	(1.789.442.618)	267.228.827
9. Chi phí bán hàng	25	28	101.675.410.817	48.873.606.796	162.172.323.941	98.047.390.624
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	52.118.523.108	25.448.174.224	87.051.343.812	56.005.993.125
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		14.437.016.309	11.711.013.950	26.477.074.070	18.124.435.001
12. Thu nhập khác	31	30	2.309.737.318	3.107.434.641	4.652.103.991	8.826.748.417
13. Chi phí khác	32	31	6.384.094.928	2.759.895.791	9.663.903.286	5.543.464.532
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-4.074.357.610	347.538.850	(5.011.799.295)	3.283.283.885
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.362.658.699	12.058.552.800	21.465.274.775	21.407.718.886
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	6.485.490.466	5.615.226.660	12.140.403.049	10.777.561.739
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-2.027.098.662		(2.027.098.662)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.904.266.895	6.443.326.140	11.351.970.388	10.630.157.147
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		5.107.089.367	3.475.772.268	8.569.234.081	5.524.676.901
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		797.177.528	2.967.553.872	2.782.736.307	5.105.480.246



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2019

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.465.274.775	21.908.370.278
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	58.604.519.129	49.027.916.399
- Các khoản dự phòng	03	-	(12.510.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.164.413.768)	(10.311.297.163)
- Chi phí lãi vay	06	17.570.120.809	11.474.812.558
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	72.475.500.945	72.087.292.072
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(165.702.330.900)	(8.193.560.087)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.507.663.651)	(116.529.486)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	598.353.005.956	(12.509.816.663)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(52.366.096.246)	(12.925.730.253)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(16.398.428.465)	(10.314.656.450)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.936.173.976)	(26.364.885.504)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(927.736.074)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	401.917.813.663	734.377.555
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(479.517.151.283)	(102.691.888.123)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.000.000.000)	(469.400.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.890.100.000	469.400.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.997.425.275	69.955.790.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.916.360.270	3.019.109.543
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(474.713.265.738)	(29.716.988.580)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	18.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	331.244.893.281	369.849.492.210
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(251.441.088.883)	(118.258.827.906)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(61.365.300.165)	(68.081.346.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	18.438.504.233	201.509.317.954
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(54.356.947.842)	172.526.706.929
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	479.116.207.042	270.700.519.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	424.759.259.200	443.227.226.272



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2019

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 09 ngày 03/07/2019, vốn điều lệ của Công ty là 764.566.760.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Apax Franklin Academy theo quyết định của Hội đồng quản trị số 09/2019/NQ-HDQT ngày 09/04/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con do công ty mẹ sở hữu trực tiếp:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Tp. Hà Nội	69,02%	69,02%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Tp. Hà Nội	53,83%	53,83%	Giáo dục mầm non

Danh sách các công ty liên kết của công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax sở hữu (dưới đây gọi là công ty liên kết gián tiếp):

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax					
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,82%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,82%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,82%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	Tp. Hà Nội	13,80%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất báo cáo tài chính được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng công ty mẹ - công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ toàn bộ.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm: Công ty con và các công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần bốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con và không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại Công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mẹ mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của tổ hợp thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc;*
- c) *Công ty ước tính giá trị hợp lý trong xác định giá trị của các khoản đầu tư trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con, được xác định trên cơ sở giá giao dịch gần nhất được xác định bởi tổ chức định giá và giá cổ phiếu phát hành thành công cho các cổ đông hiện hữu của công ty con.*

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản thuần đem trao đổi, các khoản nợ phải đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Trong trường hợp giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản của bên bị mua, khoản chênh lệch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá mười (10) năm. Định kỳ Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là đất sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao hàng kỳ.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 - 5 năm đối với phần mềm máy tính và 10 năm đối với bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê trung tâm, chi phí ghi danh học sinh, chi phí khởi nghiệp ban đầu, chi phí thi công các trung tâm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê trung tâm thể hiện số tiền thuê đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thi công nội thất của các trung tâm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí trả trước (Tiếp theo)**

Chi phí ghi danh học sinh thể hiện số tiền bản quyền dạy học hàng năm trả cho nhà cung cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí thi công nội thất các trung tâm, chi phí thuê máy chủ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là tiền thu học phí của học sinh đã trả trước cho cả khoá học nhưng học sinh chưa hoàn thành khoá học, các khoá học có thời hạn một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;

Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 71,14% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty liên kết gián tiếp của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

Chi tiết bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 35.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt (i)	96.763.287.207	161.315.727.297
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	223.318.977.920	143.881.519.323
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán (ii)	90.239.202.073	90.016.230.422
Tiền đang chuyển (iii)	14.437.792.000	5.902.730.000
Các khoản tương đương tiền (iv)	-	78.000.000.000
	424.759.259.200	479.116.207.042

Ghi chú:

(i) Số dư tiền mặt tại Văn phòng các Công ty và 69 trung tâm tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 như sau:

Trung Tâm	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn Phòng Công ty Cổ phần Apex Holdings	173.400.743	682.687.448
Văn Phòng Công ty TNHH Apex Franklin Academy	53.511.717	2.778.800
Văn Phòng Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	11.373.830.817	7.836.111.369
Trường mầm non Dolphin	1.182.426.539	-
Trường mầm non Legend	119.570.000	(*)
Trường mầm non Hồ Gươm	1.030.108.772	-
Trường mầm non Monbay	1.896.968.307	(*)
Trường mầm non Artemis	98.495.583	(*)
Trường mầm non Helios	1.085.446.634	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

Trung Tâm	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn Phòng Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	6.067.464.911	7.727.397.931
Trung tâm Phan Văn Trị	2.441.169.800	3.013.799.500
Trung tâm Flemington	2.452.263.767	2.996.198.500
Trung tâm Cộng Hòa	2.379.659.849	2.974.403.000
Trung tâm Sương Nguyệt Ánh	2.348.943.900	2.949.715.600
Trung tâm Sài Gòn Pearl	2.445.612.500	2.741.374.000
Trung tâm Võ Văn Tần	2.365.598.500	2.529.676.500
Trung tâm Hà Đông 2	2.204.268.000	1.811.982.000
Trung tâm Hoàng Đạo Thúc 2	2.568.342.500	1.283.000.000
Trung tâm Mỹ Đình	2.318.806.104	1.210.678.229
Trung tâm Hai Bà Trưng	2.356.968.300	1.161.265.000
Trung tâm Trần Hưng Đạo	2.501.638.000	1.156.479.000
Trung tâm Times City	2.893.938.662	1.082.890.000
Trung tâm Hà Đông 1	2.404.674.000	1.062.477.000
Trung tâm Hoàng Đạo Thúc 1	2.431.708.174	900.209.500
Trung tâm Bình Dương	2.486.844.565	829.302.800
Trung tâm Phan Xích Long	2.309.859.000	720.903.000
Trung tâm Đà Nẵng 1	2.483.672.760	686.045.000
Trung tâm Hạ Long Quảng Ninh 1	2.583.665.000	627.810.000
Trung tâm Lý Thường Kiệt	2.678.731.000	574.669.000
Trung tâm Lê Đại Hành	2.515.880.500	522.844.500
Trung tâm Huế 1	2.471.222.100	386.900.000
Trung tâm Uông Bí	2.476.886.000	383.868.000
Trung tâm Cẩm Phả	2.805.000.000	179.685.000
Trung tâm Ninh Bình 1	2.606.260.000	142.400.000
Trung tâm Lê Hồng Phong	2.654.544.000	113.089.000
Trung tâm Lê Lợi- Thanh Hóa	2.464.201.000	105.162.000
Trung tâm Đà Nẵng 2	2.415.465.000	87.008.000
Trung tâm Thụy Khuê	2.829.571.000	80.862.500
Trung tâm Định Công	2.404.630.500	80.609.000
Trung tâm Núi Trúc	2.360.288.000	79.128.500
Trung tâm Trung Kính	2.627.501.500	71.360.000
Trung tâm Lào cai 1	2.062.565.000	66.584.000
Trung tâm Vĩnh Phúc 1	2.664.681.945	59.978.000
Trung tâm Xala Hà Đông	2.621.654.143	47.566.000
Trung tâm Bãi Cháy	2.860.290.156	45.865.000
Trung tâm Việt Trì Phú Thọ 1	2.546.585.000	38.359.000
Trung tâm Vinh 2	2.594.315.000	36.757.500
Trung tâm Cầu Giấy	2.471.500.000	36.472.000
Trung tâm Bắc Ninh	2.171.690.000	35.750.000
Trung tâm Từ Sơn	2.270.309.000	35.193.000
Trung tâm Thái Bình 1	2.815.400.000	33.055.000
Trung tâm Linh Đàm	2.691.735.500	27.488.500
Trung tâm Long Biên	2.404.210.000	22.550.000
Trung tâm Thái Nguyên 1	2.581.485.000	22.440.000
Trung tâm Nguyễn Chí Thanh	2.479.606.000	22.050.000
Trung tâm Nguyễn Sơn	2.432.989.500	20.123.000
Trung tâm Vĩnh Phúc 2	2.599.717.044	13.480.500
Trung tâm Quang Trung	2.753.479.000	12.917.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

Trung Tâm	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Kim Liên	2.482.863.000	12.294.000
Trung tâm Hà Nam I	2.609.141.000	11.020.500
Trung tâm Vinh I	2.531.433.000	8.380.000
Trung tâm Thái Hà	2.436.004.000	2.513.500
Trung tâm Hoàng Quốc Việt	2.370.867.531	570.500
Trung tâm Láng Hạ	2.368.396.548	87.000
Trung tâm Trung Văn	2.706.458.719	-
Trung tâm Võ Thị Sáu	75.912.400	(*)
Trung tâm Nguyễn Thị Thập	60.056.000	(*)
Trung tâm Trần Bình Trọng	39.105.000	(*)
Trung tâm Lê Văn Việt	21.420.000	(*)
Trung tâm Hoàng Văn Thụ	26.000.000	(*)
Trung tâm Trường Chinh	79.365.000	(*)
Trung tâm D2 - Bình Thạnh	38.174.807	(*)
Trung tâm Vũng Tàu I	79.280.000	(*)
Tổng	161.315.727.297	49.406.264.177

(*) Tại thời điểm đầu năm, các trung tâm này chưa đi vào hoạt động.

- (ii) Khoản tiền gửi tại tài khoản nhà đầu tư của Công ty Chứng khoán, khoản tiền gửi có thể rút ra bất cứ lúc nào và hưởng lãi suất không kỳ hạn.
- (iii) Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên thanh toán qua thẻ ngân hàng nhưng tiền chưa chuyển về tài khoản Công ty.
- (iv) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	57.358.036.947	88.443.045.177
Ông Nguyễn Ngọc Thủy (i)	30.615.382.900	40.614.829.345
Công ty Cổ phần Đầu tư Blooms (ii)	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Kim Cương	-	7.620.000.000
Công ty TNHH Phúc Hưng	-	5.686.771.200
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	4.000.000.000
Các đối tượng khác	2.742.654.047	30.521.444.632
b) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan	32.091.851.572	48.312.829.345
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	30.615.382.900	40.614.829.345
Công ty TNHH Apax Franklin Academy	1.398.468.672	-
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	78.000.000	78.000.000

Ghi chú:

- (i) Theo Quyết định số 1109/2018/QĐ-HĐQT ngày 11 tháng 9 năm 2018, Công ty thực hiện thanh lý quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc Thủy.
- (ii) Khoản phải thu từ việc bán toàn bộ vốn góp tại Công ty con là Công ty TNHH Apax Franklin Academy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	316.116.128.624	132.856.313.854
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT (i)	44.672.569.828	26.672.569.828
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hạ tầng Cơ Sở (ii)	76.783.326.257	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN (iii)	81.594.493.391	43.959.208.281
Công ty Cổ phần Đầu tư NHV (iv)	41.918.322.658	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba (v)	19.488.388.277	28.897.591.508
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Hồng Phát	6.862.878.479	10.801.592.710
Công ty TNHH Kiến tạo và Kiệt tác	505.669.826	7.260.917.725
Visang Education Inc	4.677.912.462	-
Các đối tượng khác	39.612.567.446	15.264.433.802
b) Trả trước cho người bán dài hạn	7.055.000.000	-
Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam	7.055.000.000	-
c) Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan	17.264.976.926	800.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	15.264.976.926	800.000.000
Công ty cổ phần Soya Garden	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool	286.000.000	-

Ghi chú:

- (i) Trả trước cho Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT theo Thỏa thuận hợp tác năm 2018 và Hợp đồng số HĐNT 01/2018 về việc thi công thiết kế nội thất cho 09 điểm trường mầm non của Công ty, tổng mức đầu tư của dự án là 108 tỷ đồng, thời gian thực hiện đến 31/12/2019.
- (ii) Là việc ứng tiền trước cho nhà thầu để thi công nội thất công trình theo các hợp đồng số 0201/2019/APAX-HTCS để thi công 35 công trình Apax Leader.
- (iii) Là việc ứng tiền trước cho nhà thầu để thi công nội thất công trình theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng nguyên tắc 65/2017/APAX-HN/HĐTC ký ngày 02/05/2017 và các phụ lục hợp đồng của Công ty ký với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN.
 - Hợp đồng nguyên tắc số 80/2017/IGARTEN-HN/HĐTC ngày 02/08/2017 và các phụ lục kèm theo về việc thi công thiết kế nội thất cho các điểm trường mầm non Công ty đang triển khai.

Đồng thời Công ty đang ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình là các trung tâm tiếng Anh và các điểm trường đã xây dựng hoàn thành, giá trị các công trình sẽ được ghi nhận tương ứng vào chi phí trích trước (như trình bày tại Thuyết minh số 18) theo dự toán xây dựng, sau đó khi có quyết toán tổng thể sẽ hạch toán bù trừ khoản trích trước chi phí với khoản trả trước cho người bán.

- (iv) Ứng trước tiền mua đất Lạc Long Quân của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV
- (v) Là việc ứng tiền trước cho nhà thầu để thi công nội thất công trình theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng nguyên tắc 23/1502/2016/HĐNT/GEG-BB ký ngày 15/2/2016 và các phụ lục hợp đồng của Công ty ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba.
 - Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017/APAX FA-BB ngày 18/12/2017 về việc thi công, lắp đặt nội thất tại điểm trường của Công ty.

Đồng thời Công ty đang ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình là các trung tâm tiếng Anh và các điểm trường đã xây dựng hoàn thành, giá trị các công trình sẽ được ghi tương ứng vào chi phí trích trước (như trình bày tại Thuyết minh số 18) theo dự toán xây dựng, sau đó khi có quyết toán tổng thể sẽ hạch toán bù trừ khoản trích trước chi phí với khoản trả trước cho người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	64.392.246.186	-	66.413.865.548	-
Ký cược, ký quỹ (i)	28.685.169.554	-	24.132.887.000	-
Tạm ứng	10.971.781.657	-	4.601.837.655	-
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	-	-	347.900.365	-
Phải thu khác	24.735.294.975	-	37.331.240.528	-
- Ông Đặng Văn Dương (ii)	13.800.905.378	-	22.798.330.653	-
- Ông Nguyễn Mạnh Phú (iii)	5.956.825.218	-	5.956.825.218	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy	494.340.484	-	494.340.484	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Eschool - Cùng tập đoàn (iv)	1.108.314.220	-	855.116.420	-
- CTCP Anh ngữ APAX Speedy - Công ty liên kết gián tiếp (iv)	-	-	4.574.403.542	-
- Công ty Cổ phần Studynet - Công ty liên kết gián tiếp	191.636.250	-	191.636.250	-
- Các đối tượng khác	3.183.273.425	-	2.460.587.961	-
b) Phải thu khác dài hạn	77.542.779.789	-	42.307.430.329	-
Ký cược, ký quỹ (v)	77.542.779.789	-	42.307.430.329	-

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại BIDV Thanh Xuân đang dùng để đảm bảo cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 21 - Vay và nợ thuê tài chính;
- (ii) Phải thu theo Hợp đồng số 02/2017/HĐCN- IGARTEN ngày 22/06/2017;
- (iii) Tiền lãi tiền cho vay trong năm.
- (iv) Phải thu do tiền chi trả hộ hàng hóa là balo, sách, tablet cho các Công ty trong cùng hệ thống;
- (v) Chủ yếu là khoản ký cược, ký quỹ thuê các trung tâm.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	4.863.643.536	-	384.836.591	-
Hàng hoá	10.894.290.513	-	4.016.646.333	-
	15.757.934.049	-	4.401.482.924	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	65.075.699.194	13.483.008.628
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	20.116.123.272	10.089.699.236
Chi phí bảo hiểm	32.527.577	66.876.590
Chi phí công cụ dụng cụ	761.349.417	325.031.940
Chi phí ghi danh học sinh	31.778.360.561	-
Chi phí chương trình truyền hình "Shark Tank Việt Nam- Thương Vụ Bạc tỷ"	4.000.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.387.338.367	3.001.400.862
b) Dài hạn	129.240.923.493	141.243.694.793
Chi phí trước hoạt động các trung tâm dự án Apax Leader (i)	81.753.735.628	84.601.803.244
Chi phí mua bản quyền phần mềm	247.442.627	379.383.566
Chi phí thành lập doanh nghiệp	9.889.510.823	14.127.872.609
Chi phí đầu tư khởi nghiệp	-	7.706.708.052
Chi phí công cụ dụng cụ	12.294.115.671	9.007.224.981
Chi phí thi công nội thất	7.656.257.143	8.048.499.310
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.399.861.601	17.372.203.031

Ghi chú:

(i) Chi phí trước hoạt động của các Trung tâm Apax Leader.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	182.906.975.710	10.085.034.270	7.248.081.035	1.536.648.800	201.776.739.815
Tăng trong kỳ	135.163.525.797	299.588.159	-	36.080.000	135.499.193.956
Giảm khác	(25.867.399)	-	-	-	(25.867.399)
Số dư cuối kỳ	318.044.634.108	10.384.622.429	7.248.081.035	1.572.728.800	337.250.066.372
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	42.696.608.836	7.542.894.949	426.153.597	109.203.172	50.774.860.554
Khấu hao trong kỳ	22.721.539.825	1.353.158.801	361.404.771	29.500.738	24.465.604.135
Số dư cuối kỳ	65.418.148.661	8.896.053.750	787.558.368	138.703.910	75.240.464.689
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	140.210.366.874	2.542.139.321	6.821.927.438	1.427.445.628	151.001.879.261
Số dư cuối kỳ	252.626.485.447	1.488.568.679	6.460.522.667	1.434.024.890	262.009.601.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	110.459.861.905	102.735.286.823	2.305.353.777	215.500.502.505
Tăng trong kỳ	-	2.522.780.833	80.500.000	2.603.280.833
Phân loại lại	15.030.200.000	-	-	15.030.200.000
Số dư cuối kỳ	125.490.061.905	105.258.067.656	2.385.853.777	233.133.983.338
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	-	17.519.200.219	1.324.919.972	18.844.120.191
Khấu hao trong kỳ	-	5.035.622.735	361.483.995	5.397.106.730
Số dư cuối kỳ	-	22.554.822.954	1.686.403.967	24.241.226.921
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	110.459.861.905	85.216.086.604	980.433.805	196.656.382.314
Số dư cuối kỳ	125.490.061.905	82.703.244.702	699.449.810	208.892.756.417

Ghi chú:

Quyền sử dụng đất của Công ty là các mảnh đất dự kiến phục vụ mục tiêu mở rộng mạng lưới. Cụ thể như sau:

- Đất Tứ Liên, Tây Hồ Tổ 15, cụm 3, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội;
- Thửa đất số 164, bản đồ số F48-115-24, xã Tiến Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội;
- Đất Pháp Vân, Hoàng Mai Ô đất số 16 lô BT15, dự án khu ĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.
- Đất Cự Khối, Long Biên Tổ 3, phường Cự Khối, quận Long Biên, TP. Hà Nội.
- Thửa đất tại nền H23 khu tái định cư 17,3 ha. Phường An Phú, quận 2, TP Hồ Chí Minh.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án Apax Leaders (i)	196.292.899.217	84.514.705.491
Dự án Leader in me (ii)	87.400.762.231	57.514.929.646
Phần mềm FSOFT (iii)	2.516.994.546	3.355.992.728
Dự án Apax Online	11.813.404.129	-
Dự án Art Apax	10.030.706.803	-
Dự án Khác	2.331.274.421	12.618.573.231
	310.386.041.347	158.004.201.096

Ghi chú:

- (i) Chi phí đầu tư xây dựng của các Trung tâm đào tạo thuộc dự án Apax Leader tại Công ty con – Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax đang trong quá trình xây dựng, lắp đặt.
- (ii) Chi phí thực hiện chương trình đào tạo mới của dự án Leader in me được thành lập theo quyết định của Hội đồng Quản trị tại Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax ngày 15 tháng 06 năm 2018.
- (iii) Dự án Fsoft là dự án thiết lập phần mềm quản trị doanh nghiệp Microsoft Dynamic 365, Công ty thuê Công ty TNHH Phần Mềm FPT thiết kế, xây dựng phần mềm quản trị doanh nghiệp để sử dụng, thời gian thực hiện dự án đến 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGSTầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Giá trị ghi số (i)	Giá trị ghi số (i)	Giá trị hợp lý (iv)	Giá trị hợp lý (iv)
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng				
	VND	VND	VND	VND				
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Đầu tư vào công ty liên kết	278.850.000.000	-	283.846.447.076	-	278.850.000.000	-	282.180.426.336	
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	100.000.000.000	-	100.287.993.174	-	100.000.000.000	-	100.239.641.325	
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	98.000.000.000	-	101.893.511.968	-	98.000.000.000	-	100.913.967.654	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	78.890.000.000	-	79.704.941.934	-	78.890.000.000	-	79.066.817.357	
Công ty Cổ phần Studynet (ii)	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-	1.960.000.000	
- Đầu tư vào đơn vị khác	599.100.000	(125.100.000)	474.000.000		599.100.000	(91.323.000)	507.777.000	
Công ty Cổ phần Xi Măng X18	125.100.000	(125.100.000)	-	-	125.100.000	(91.323.000)	33.777.000	33.777.000
Cổ phiếu chưa nhiễm yết								
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000	-	360.000.000	-	360.000.000	-	360.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	-	114.000.000	-	114.000.000	
b) Đầu tư vào trái phiếu	15.110.000.000	-	15.110.000.000		15.110.000.000	-	15.110.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (iii)	15.110.000.000	-	15.110.000.000	-	15.110.000.000	-	15.110.000.000	15.110.000.000
Cộng	294.559.100.000	(125.100.000)	299.430.447.076		294.559.100.000	(91.323.000)	297.798.203.336	

Ghi chú:

i. Giá trị ghi số của khoản đầu tư được ghi nhận như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư vào đơn vị khác: được xác định bằng giá gốc trừ đi khoản dự phòng.

ii. Công ty Cổ phần Studynet đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do tại 30/06/2019 Công ty Cổ phần Studynet đang cho Công ty vay 2.800.000.000 VND như đã trình bày tại thuyết minh số 21 – “Vay và nợ thuế tài chính”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- iii. Khoản trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thời hạn trái phiếu 7 năm từ ngày 19/12/2018 đến ngày 19/12/2025. Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam. Phương thức trả lãi: Trả sau. Một năm trả lãi một lần.
- iv. Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chỉ tiêu giá trị hợp lý như sau:

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cổ phiếu chưa niêm yết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường tương ứng tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 như sau:

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax					
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,82%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,82%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
3	Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,82%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	Tp. Hà Nội	13,80%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Tại ngày đầu kỳ	483.453.471.718	540.893.488.162
Tăng trong kỳ	-	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(28.720.008.222)	(28.720.008.222)
Tại ngày cuối kỳ	<u>454.733.463.496</u>	<u>512.173.479.940</u>

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	45.466.111.248	45.466.111.248	34.787.245.489	34.787.245.489
Chungdahm Learning, Inc	-	-	11.640.000.000	11.640.000.000
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	3.866.215.912	3.866.215.912	4.609.019.671	4.609.019.671
Công ty Cổ phần TV HUB	-	-	3.400.000.000	3.400.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bộ Ba	217.370.912	217.370.912	2.147.278.235	2.147.278.235
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Hồng Phát	-	-	2.294.424.530	2.294.424.530
Công ty Cổ phần quản lý tài sản Dzambala	868.611.600	868.611.600	-	-
Các đối tượng khác	40.513.912.824	40.513.912.824	10.696.523.053	10.696.523.053
b) Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	3.881.010.912	3.881.010.912	16.263.814.671	16.263.814.671
Chungdahm Learning, Inc - Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	-	-	11.640.000.000	11.640.000.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup - Cổ đông lớn	3.866.215.912	3.866.215.912	4.609.019.671	4.609.019.671
Công ty cổ phần Đầu tư Eduland	14.795.000	14.795.000	14.795.000	14.795.000

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đây là khoản ứng trước tiền học của học sinh tại các trung tâm, cụ thể như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trường mầm non Steame	11.810.606.022	2.252.131.890
Trung tâm anh ngữ Apax English, ApaxLeader	321.037.738.180	116.316.122.779
Tại ngày cuối kỳ	332.848.344.202	118.568.254.669

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Giảm khác (i)	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	3.695.131.536	3.092.892.923	4.910.298.258	(284.667.415)	1.593.058.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.945.793.770	12.140.403.049	22.936.173.976	-	12.150.022.843
Thuế thu nhập cá nhân	10.573.203.517	41.867.207.175	27.925.270.209	(120.569.757)	24.394.570.726
Các loại thuế khác	1.901.617.797	3.402.606.853	3.808.213.430	-	1.496.011.220
Cộng	39.115.746.620	60.503.110.000	59.579.955.873	(405.237.172)	39.633.663.575
b) Phải thu					
Các loại thuế khác	1.000.000	14.500.000	14.000.000	-	500.000
Cộng	1.000.000	14.500.000	14.000.000	-	500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi chú:

- (i) Là khoản phải trả thuế của Công ty con Công ty TNHH Apax Franklin Academy đã được
thoái vốn trong kỳ

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>97.327.757.448</i>	<i>43.751.479.058</i>
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm (i)	41.380.520.194	26.001.440.382
Trích trước chi phí ghi danh học sinh (ii)	42.768.750.000	-
Trích trước chi phí lương, thưởng	1.000.642.768	12.438.662.978
Trích trước chi phí thuê địa điểm kinh doanh	2.717.479.573	1.104.390.394
Trích trước chi phí lãi vay	567.123.288	-
Trích trước chi phí khác	8.893.241.625	4.206.985.304

Ghi chú:

- (i) Là giá trị tài sản ghi nhận tạm tăng tại các trung tâm và các trường mầm non và các trung tâm tiếng
anh như trình bày tại Thuyết minh số 6.

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>328.469.165.724</i>	<i>264.826.370.455</i>
Tiền học phí thu trước	328.469.165.724	261.745.057.121
Thẻ học các khóa học tiếng anh online cho học sinh	-	3.081.313.334
<i>b) Dài hạn</i>	<i>47.765.424.228</i>	<i>23.547.209.691</i>
Tiền học phí thu trước	47.765.424.228	23.547.209.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	33.793.666.750	5.599.249.928
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	8.008.688.548	666.778.057
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.784.978.202	4.931.871.871
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	999.996.433	1.968.491.603
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy	9.929.452.000	-
- Chungdahm Learning, Inc	4.949.143.200	-
- Công ty Cổ phần Nam Hải	2.100.000.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Phú	342.697.600	-
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	602.881.382	-
- Các đối tượng khác	6.860.807.587	2.963.380.268
b) Trong đó phải trả khác là các bên liên quan	16.824.170.615	1.968.491.603
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	999.996.433	1.968.491.603
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	9.929.452.000	-
Chungdahm Learning, Inc	4.949.143.200	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	602.881.382	-
Ông Nguyễn Mạnh Phú	342.697.600	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	238.837.635.593	238.837.635.593	287.180.173.236	242.167.585.341	193.825.047.698	193.825.047.698
a1) Vay ngắn hạn	200.492.483.289	200.492.483.289	267.240.559.649	225.292.605.943	158.544.529.583	158.544.529.583
Công ty CP Studynet - Công ty liên kết (i)	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	5.960.000.000	5.960.000.000	5.960.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (ii)	149.892.483.289	149.892.483.289	191.140.559.649	191.032.605.943	149.784.529.583	149.784.529.583
Công ty CP Anh ngữ Apax academy (iii)	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Apax Speedy (iv)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-
Vũ Cẩm La Hương (Apax Holding) (v)	23.000.000.000	23.000.000.000	51.000.000.000	28.000.000.000	-	-
Lê Đình Đạo (vi)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Thị Hải Yến (vii)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
Ông Hoàng Hồng Trung	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-
a2) Nợ dài hạn đến hạn trả	38.345.152.304	38.345.152.304	19.939.613.587	16.874.979.398	35.280.518.115	35.280.518.115
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (viii)	121.967.208	121.967.208	60.983.604	60.983.604	121.967.208	121.967.208
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (ix)	33.078.000.000	33.078.000.000	17.258.000.000	14.382.000.000	30.202.000.000	30.202.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (x)	5.145.185.096	5.145.185.096	2.620.629.983	2.431.995.794	4.956.550.907	4.956.550.907
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	279.097.631.046	279.097.631.046	54.221.333.632	24.323.017.129	249.199.314.543	249.199.314.543
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (viii)	172.786.904	172.786.904	-	60.983.604	233.770.508	233.770.508
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (ix)	43.034.100.323	43.034.100.323	34.004.333.632	17.258.000.000	26.287.766.691	26.287.766.691
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (x)	14.973.980.694	14.973.980.694	-	2.620.629.983	17.594.610.677	17.594.610.677
Công ty cổ phần Anh ngữ Apax Speedy (xi)	15.616.596.458	15.616.596.458	20.000.000.000	4.383.403.542	-	-
Trái phiếu phát hành (xii)	205.300.166.667	205.300.166.667	217.000.000	-	205.083.166.667	205.083.166.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (i) Vay Công ty Cổ phần Studynet theo Hợp đồng cho vay tiền số 020/HDV-CN/2015/Apax ngày 15/01/2015, lãi suất 0%, thời hạn vay đến ngày 15/10/2018;
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2018/8674692/HĐTD ngày 28/06/2018, thời hạn vay từ ngày 28/06/2018 đến ngày 28/06/2019. Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VND, lãi suất theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán. Tài sản đảm bảo là bất động sản và hợp đồng tiền gửi của bà Nguyễn Thị Thu Hương và ông Nguyễn Ngọc Thủy; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty tại BIDV Thanh Xuân;
- (iii) Hợp đồng vay tiền số AE/1.2019 ngày 08/04/2019, tổng hạn mức cho vay là 13 tỷ VND, cho vay theo nhu cầu từng lần, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích cho vay là xây dựng phát triển trường học, lãi suất 8,4%/năm, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (iv) Hợp đồng vay tiền số AE/2.2019 ngày 08/04/2019, tổng hạn mức cho vay là 6 tỷ VND, cho vay theo nhu cầu từng lần, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích cho vay là xây dựng phát triển trường học, lãi suất 8,4%/năm, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (v) Đi vay theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay tiền số 02/HĐVT/LAHUONG-IGARTEN ngày 10/04/2019, tổng số tiền cho vay là 20 tỷ VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp. Ngày 19/4/2019, đã thanh toán gốc 9 tỷ và thanh lý hợp đồng. Ký tiếp hợp đồng số 03/HĐVT/LAHUONG-IGARTEN ngày 19/04/2019, thời gian đáo hạn là 10/04/2020, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- Hợp đồng vay tiền số 04/HĐVT/LAHUONG-IGARTEN ngày 25/04/2019, tổng số tiền cho vay là 12 tỷ VND, thời gian đáo hạn là 25/04/2020, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (vi) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐVT/LDDAO-IGARTEN ngày 04/04/2019, số tiền cho vay là 1 tỷ VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (vii) Hợp đồng vay tiền số 090319/HĐVV/HAIYEN-IGARTEN ngày 06/03/2019, số tiền cho vay là 2 tỷ VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (viii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) theo Hợp đồng cho vay số 62/2016/HDTD/THNC/01 ngày 14/11/2016, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất từ ngày nhận nợ đến ngày 15/11/2017 là 7,9%/năm. Thời gian tiếp theo đến ngày 15/11/2021: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp của TPBank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,15%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để mua xe ô tô.
- (ix) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 02/2017/8674692/HĐTD ngày 29/09/2017, thời hạn vay từ ngày 25/12/2017 đến ngày 25/09/2022. Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VND, lãi suất 10,4%/năm thay đổi 3 tháng/lần, mục đích bảo lãnh thanh toán. Tài sản đảm bảo là bất động sản và 25 triệu cổ phần IBC thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup;
- (x) Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered theo các Thư cấp tín dụng trung và dài hạn số BFL/11-HN/MT; BFL/12-HN/MT; BFL/13-HN/MT và BFL/14-HN/MT ngày 21/12/2017, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mua bản quyền, giấy phép, chương trình học từ Công ty Chungdahm Learning Inc. Lãi suất: bằng chi phí vốn (%/năm) của ngân hàng trừ biên độ 0%/năm hoặc lãi suất đặc biệt được quy định theo thông báo rút vốn và giấy nhận nợ trong ngày rút vốn. Tài sản thế chấp cho các khoản vay gồm: 04 thửa đất và tài sản trên đất tại thành phố Hà Nội mang tên ông Nguyễn Ngọc Thủy và bà Lê Thị Thanh Hiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)Ghi chú:

- (xi) Vay Công ty cổ phần Anh ngữ Apax Speedy theo hợp đồng vay số 05042019/HĐVT ngày 05/04/2019, tổng số tiền vay 20.000.000.000 VND, thời hạn vay vốn: 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay: 8,4%/năm.
- (xii) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: Giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

- Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch + 1 ngày giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;
- Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.

Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 VND để mua 18.878.584 cổ phiếu Công ty con – Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,

Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MÃ SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	688.800.000.000	90.074.070.000	171.782.178.169	183.285.772.348	1.133.942.020.517
Tăng vốn góp trong năm	-	-	-	85.174.160.000	85.174.160.000
Lãi trong năm	-	-	58.489.469.599	27.805.412.838	86.294.882.437
Phân phối lợi nhuận	-	-	(68.880.000.000)	-	(68.880.000.000)
Giảm khác	-	-	(644.758.107)	(292.243.537)	(937.001.644)
Số dư đầu năm	688.800.000.000	90.074.070.000	160.746.889.661	295.973.101.649	1.235.594.061.310
Tăng vốn góp trong kỳ (i)	75.766.760.000	(75.766.760.000)	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	15.589.286.665	8.008.696.437	23.597.983.102
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(61.992.000.000)	(15.221.292.800)	(77.213.292.800)
Số dư cuối kỳ	764.566.760.000	14.307.310.000	114.344.176.326	288.760.505.286	1.181.978.751.612

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2019 của Công ty đã thông qua:

- Phương án chia cổ phiếu thưởng với mục đích: (i) Tăng vốn điều lệ và (ii) Thưởng cho cổ đông đã đóng góp sự phát triển của Công ty trong thời gian qua. Hình thức phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư cổ phần. Số lượng cổ phiếu chia thưởng là 7.576.800 cổ phần, số lượng cổ phiếu thực tế chia là 7.576.676 cổ phần.
- Phương án trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 9% bằng tiền. Tổng số tiền cổ tức đã thực chi cho các cổ đông trong kỳ là 61.401.300.165 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	543.900.000.000	490.000.000.000
Các đối tượng khác	220.666.760.000	198.800.000.000
Cộng	764.566.760.000	688.800.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	764.566.760.000	688.800.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	688.800.000.000	688.800.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	75.766.760.000	-
- Vốn góp cuối năm	764.566.760.000	688.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	61.992.000.000	68.880.000.000

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	76.456.676	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	76.456.676	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	76.456.676	68.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng	628.093.031.621	437.327.762.100
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán hàng hóa	437.116.801	111.272.688
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	627.655.914.820	437.216.489.412
b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan	-	-
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(16.100.000)
<u>Trong đó:</u>		
- Hàng bán bị trả lại	-	(16.100.000)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	628.093.031.621	437.311.662.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	308.602.985	22.430.424
Giá vốn cung cấp dịch vụ	359.335.425.022	263.357.153.139
	359.644.028.007	263.379.583.563

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.178.702.183	10.044.068.336
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.000.000	-
	26.953.856.386	10.044.068.336

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.353.120.809	11.975.463.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá	342.518.750	54.972.643
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(12.510.000)
Chi phí tài chính khác	217.036.000	47.630.357
	17.912.675.559	12.065.556.950

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	134.295.533.717	74.919.319.082
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	5.979.250	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	79.724.470	85.259.396
Chi phí khấu hao TSCĐ	443.455.044	441.886.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.000.326.198	20.103.834.579
Chi phí khác bằng tiền	7.347.305.262	2.497.090.665
	162.172.323.941	98.047.390.624
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	23.346.905.962	12.059.860.566
Chi phí đồ dùng văn phòng	207.552.723	159.587.278
Chi phí khấu hao TSCĐ	653.449.068	366.603.898
Thuế, phí và lệ phí	247.924.413	15.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.958.289.228	12.407.323.737
Lợi thế thương mại phân bổ	28.720.008.222	28.720.008.222
Chi phí bằng tiền khác	2.915.214.196	2.277.609.424
	87.051.343.812	56.005.993.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.790.475	-
Chi phí nhân công	314.359.203.519	230.807.306.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.604.519.129	49.027.916.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.940.756.401	129.966.875.128
Chi phí khác bằng tiền	13.595.823.251	7.608.438.577
	<u>608.559.092.775</u>	<u>417.410.536.888</u>

29. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu về hợp tác bán sách	3.137.609.804	5.683.785.319
Điều chỉnh thuế nhà thầu	-	2.934.816.867
Xử lý công nợ bán sách	1.022.503.795	-
Thu nhập khác	491.990.392	208.146.231
	<u>4.652.103.991</u>	<u>8.826.748.417</u>

30. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi về hợp tác bán sách	2.813.908.201	4.367.477.919
Chi phí sát nhập trung tâm	5.359.861.949	-
Các khoản khác	1.490.133.136	1.175.986.613
	<u>9.663.903.286</u>	<u>5.543.464.532</u>

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo tiếng Anh trên địa bàn toàn quốc và trong lãnh thổ Việt Nam. Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không phát sinh doanh thu ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu bao gồm: 1. Dịch vụ đào tạo tại các Trung tâm tiếng Anh; 2. Hoạt động vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng. Trong đó, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục chiếm 91%, doanh thu đến từ hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng chiếm tỷ trọng nhỏ hơn 10% tổng doanh thu. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup
Chungdahm Learning, Inc
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool
Công ty Cổ phần Studynet
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax
Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax

Bên liên quan

Ông Nguyễn Ngọc Thùy
Ông Nguyễn Mạnh Phú
Ông Nguyễn Ngọc Khánh
Bà Vũ Cẩm La Hương
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh
Ông Quách Mạnh Hòa
Ông Nguyễn Minh Chính
Ông Sang Ho Jung

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kế toán trưởng
Thành viên Hội đồng Quản trị
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Thành viên Hội đồng Quản trị
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối kỳ
			VND	VND	VND	VND
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings						
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng Công ty	Nhận tạm ứng	-	-	217.624.500	217.624.500
Giao dịch với Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax						
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng Công ty	Phải thu tiền lãi vay	5.274.065.277	-	-	5.274.065.277
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch HĐQT	Bán hàng	40.614.829.345	-	9.999.446.445	30.615.382.900
Công ty cổ phần Studynet	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Cho CTCP Anh ngữ Apax vay	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000
CTCP Anh ngữ Apax Speedy	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Phải thu từ mua bán và Thu chi hộ	4.574.403.542	4.574.403.542	-	-
CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Bán hàng	78.000.000	-	-	78.000.000
CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Trả trước cho Egroup	800.000.000	7.661.191.311	-	8.461.191.311
Chungdahm Learning, Inc	Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	Mua hàng hóa, dịch vụ	11.640.000.000	11.640.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Studynet	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Phải thu khác	191.636.250	-	-	191.636.250
Giao dịch với Công ty CP Phát triển Giáo dục Igarten						
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng Công ty	Thanh toán tiền lãi vay	682.759.941	-	-	682.759.941
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch HĐQT	Thanh toán tiền lãi vay	494.540.484	-	-	494.540.484
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	6.803.785.615	-	6.803.785.615
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng giám đốc Công ty	Cho vay	-	32.000.000.000	9.000.000.000	23.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	1.421.700.000	808.117.000
	1.421.700.000	808.117.000

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán; Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2019

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập